ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Thực hiện công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc thực hiện công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh Bình Định nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

2. Các quy định, cơ chế, chính sách thực hiện công khai, minh bạch trong Quy định này bao gồm các quy định, cơ chế, chính sách do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trừ các nội dung tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp không được tiếp cận theo quy định tại Điều 6 Luật Tiếp cận thông tin.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Công khai, minh bạch: Là việc các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm công bố, cung cấp thông tin chính thức một cách rõ ràng, đầy đủ, chính xác, kịp thời và hợp pháp về các quy định, cơ chế, chính sách do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

2. Quy định, cơ chế, chính sách: Là các nội dung được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan

nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản và được phép công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật Tiếp cận thông tin.

Điều 4. Mục đích công khai, minh bạch

1. Việc công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm bảo đảm cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp cận hiểu đầy đủ, chính xác, kịp thời về mục đích, ý nghĩa, nội dung quy định pháp luật để làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện và thi hành pháp luật trên các lĩnh vực do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Góp phần bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; là điều kiện cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; làm tăng tính hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước; bảo đảm sự công bằng, dân chủ và tăng cường trách nhiệm của công dân. Thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền công dân, quyền con người, tạo cơ chế để Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền dân chủ, nhất là dân chủ trực tiếp; tạo tiền đề thực hiện các quyền tự do dân chủ khác của công dân.

3. Đáp ứng được yêu cầu hoàn thiện các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh bảo đảm tính đồng bộ theo quy định, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số; phục vụ có hiệu quả công tác cải cách hành chính và góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Nguyên tắc công khai, minh bạch

1. Việc thực hiện công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh Bình Định bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp phải kịp thời, đầy đủ, chính xác, minh bạch, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị trong quá trình công khai, minh bạch.

3. Bảo đảm kinh phí và các điều kiện vật chất liên quan cho công tác thực hiện công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh Bình Định nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và đặc điểm, điều kiện, yêu cầu thực tế của địa phương.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Các quy định, cơ chế, chính sách thực hiện công khai, minh bạch

1. Các quy định, cơ chế, chính sách sau đây phải được công khai, minh bạch rộng rãi:

a) Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;

d) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của tỉnh;

đ) Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

e) Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

g) Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn tỉnh;

h) Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

i) Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

k) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành;

l) Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

m) Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật Tiếp cận thông tin; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

n) Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

o) Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

p) Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh chủ động công khai, minh bạch các thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

Điều 7. Hình thức, thời điểm thực hiện công khai, minh bạch

1. Các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh được thực hiện công khai, minh bạch thông qua các hình thức sau:

a) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và của các cơ quan nhà nước;

b) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương như Báo Bình Định, Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Định; Đài Truyền thanh cấp huyện, cấp xã; các ấn phẩm, bản tin, tờ tin nội bộ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Đăng Công báo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác;

đ) Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật;

e) Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định về hình thức công khai, minh bạch đối với thông tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

3. Thời điểm công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quy định, cơ chế, chính sách đó, Sở Tư pháp có trách nhiệm phải công khai, minh bạch theo quy định.

Điều 8. Đầu mối công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách

Sở Tư pháp, cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh là đầu mối thực hiện việc công khai, minh bạch.

Điều 9. Rà soát, xử lý các quy định, cơ chế, chính sách trước khi công khai, minh bạch

1. Các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh được công khai theo quy định tại Điều 6 của Quy định này, trước khi được công khai, minh bạch bằng các hình thức cụ thể, cơ quan thực hiện công khai, minh bạch phải rà soát, kiểm tra tính chính xác của thông tin và loại bỏ các nội dung thông tin mà tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp không được tiếp cận hoặc tiếp cận có điều kiện rồi mới tiến hành công khai, minh bạch các nội dung còn lại.

2. Việc loại bỏ các thông tin tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp không được tiếp cận hoặc tiếp cận có điều kiện được thực hiện thủ công hoặc sử dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng quy định, cơ chế, chính sách, văn bản, hồ sơ, tài liệu cụ thể.

Điều 10. Thực hiện công khai, minh bạch trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan nhà nước

1. Các hoạt động về công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 19 Luật Tiếp cận thông tin được thực hiện trên Chuyên mục về công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh.

2. Trường hợp nội dung các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh đang được công khai, minh bạch tại các cơ sở dữ liệu khác nhau hoặc đăng tải tại các chuyên mục khác trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử thì tại Danh mục thông tin phải được công khai, phải kèm theo chỉ dẫn địa chỉ truy cập để tải thông tin. Trường hợp thông tin chưa được công khai trên Cổng, Trang thông tin điện tử mà đã được số hóa thì phải được đính kèm theo Danh mục quy định, cơ chế, chính sách phải được công khai, minh bạch.

Điều 11. Đăng Công báo các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh

1. Các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh sau khi được ban hành phải đăng tải kịp thời, chính xác, đầy đủ nội dung trên Công báo của Ủy ban nhân dân tỉnh do Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục, thời hạn đăng tải các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh sau khi ban hành trên Công báo của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 12. Niêm yết các quy định, cơ chế, chính sách tại trụ sở cơ quan

1. Các cơ quan nhà nước thực hiện công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh dưới hình thức niêm yết thông tin tại Bảng niêm yết công khai của đơn vị mình. Thời hạn niêm yết được thực hiện theo quy định của pháp luật trong từng lĩnh vực.

2. Đối với những thông tin được công khai bằng hình thức niêm yết mà pháp luật chưa quy định cụ thể về địa điểm, thời hạn niêm yết thì phải được niêm yết tại nơi tiếp công dân trong thời hạn ít nhất là 30 ngày kể từ ngày thông tin được ban hành.

Điều 13. Công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách trên phương tiện thông tin đại chúng

1. Cơ quan nhà nước chủ trì, tham mưu các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời cho cơ quan thông tin đại chúng các nội dung theo quy định của pháp luật để thực hiện việc công khai, minh bạch trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Việc công khai, minh bạch bằng hình thức đăng, phát thông tin trên báo chí, phương tiện phát thanh, truyền hình hoặc các hình thức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về báo chí. Khi đăng, phát các quy định, cơ chế, chính sách, cơ quan thông tin đại chúng phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin đó.

Điều 14. Công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước, hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Đơn vị được phân công phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí thực hiện việc công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh theo quy định tại Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan nhà nước.

2. Đơn vị được phân công tiếp công dân thực hiện cung cấp thông tin các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh cho công dân theo Quy chế tiếp công dân của cơ quan.

3. Việc thực hiện công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách thông qua hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

Điều 15. Xây dựng Chuyên mục về công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh Bình Định thuộc Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng

1. Các cơ quan có trách nhiệm xây dựng Chuyên mục về công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh Bình Định thuộc Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan mình hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác để đăng tải Danh mục các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh

Bình Định phải được công khai; thông tin về đầu mối; các hướng dẫn, tài liệu để hỗ trợ cho việc tiếp cận của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; địa chỉ truy cập để tải thông tin (nếu có).

2. Các đơn vị liên quan phụ trách cơ sở dữ liệu của cơ quan có trách nhiệm duy trì, lưu giữ, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu và kết nối với Chuyên mục về tiếp cận thông tin để thuận tiện cho việc tiếp cận của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

Điều 16. Công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách theo yêu cầu cung cấp thông tin của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp

1. Trường hợp các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh chưa được công khai, minh bạch theo quy định, nếu các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có yêu cầu cung cấp thông tin thì cơ quan được yêu cầu căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nguồn thông tin của đơn vị mình để cung cấp theo đúng quy định của Luật Tiếp cận thông tin để nhằm bảo đảm việc công khai, minh bạch.

2. Thời hạn, hình thức, quy trình cung cấp thông tin các quy định, cơ chế, chính sách theo yêu cầu thực hiện theo quy định tại Chương III của Luật Tiếp cận thông tin.

Điều 17. Xử lý các nội dung công khai, minh bạch không chính xác

1. Trường hợp phát hiện các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh đã được công khai, minh bạch không chính xác về nội dung thì cơ quan đã thực hiện công khai, minh bạch có trách nhiệm kịp thời đính chính và công khai, minh bạch các nội dung đã được đính chính.

2. Trường hợp tiếp nhận phản ánh, kiến nghị từ cơ quan, tổ chức, công dân về nội dung các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh công khai, minh bạch không chính xác, Sở Tư pháp phối hợp với đơn vị công khai, minh bạch thông tin kiểm tra và kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị.

3. Các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh đã được công khai, minh bạch không chính xác bằng hình thức nào thì phải được đính chính bằng hình thức đó.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản áp dụng

Quy định này được áp dụng trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài cư trú trên địa bàn tỉnh Bình Định và yêu cầu cung cấp thông tin của công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp.

Điều 19. Kinh phí bảo đảm việc công khai, minh bạch

Kinh phí thực hiện việc công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định của các cơ quan nhà nước do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổ chức và trách nhiệm thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Quy định này tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị; xây dựng quy chế nội bộ về tổ chức việc công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh thuộc phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 34 Luật Tiếp cận thông tin; chỉ đạo xử lý thông tin theo yêu cầu; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện về Sở Tư pháp.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định này và tham mưu tổ chức việc quản lý nhà nước, triển khai thi hành các biện pháp công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành và địa phương trong việc thực hiện Quy định này, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề vướng mắc phát sinh; trường hợp cần thiết, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện công khai, minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách của các cơ quan nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp hướng dẫn các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu để công khai, minh bạch quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.